

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

2. Bà **Huỳnh Thị Tỏ**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số M, đường C, Phường M, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp B, xã L, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Lê Hồng T**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên theo đơn xin ly hôn ngày 29/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị sống chung với gia đình anh T được vài tháng thì anh T đi ghe, lâu lâu mới về nhà một lần,

chị sống ở nhà chồng được một thời gian thì chị cũng đi làm thuê và mượn nhà trọ sinh sống tại chỗ làm cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống về vấn đề thu nhập của hai vợ chồng, tính tình không hợp do anh đi ghe ngoài biển khi vô bờ là chỉ lo đi nhậu nhẹt nhưng không quan tâm gì đến vợ, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh vẫn không thay đổi, do chưa có con nên gia đình chồng lời ra tiếng vào làm cho hai bên thông gia xảy ra mâu thuẫn. Nay chị vẫn còn thương chồng nhưng khuyên nhủ anh hoà mà anh vẫn không thay đổi, chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hồng T vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh T đã gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, anh không đủ điều kiện để chăm lo cho vợ nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị P, giữa anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lê Hồng T vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Hồng T tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P và anh Lê Hồng T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Hồng T có tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 17/5/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị P, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa

án nhưng có gửi văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị P. Cho thấy, anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 228, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P và anh Lê Hồng T được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018461 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã K, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh